

2019-2020 USA Fencing Rolling Point Standings  
V50MF

RANK	NAME	CURRENT AS OF YOB	12/3/2019 DIVISION	ROLLING TOTAL	V50 - DEC PLACE	2018 POINTS	V50 - APR PLACE	2019 POINTS	V50- NTLS PLACE	2019 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2019 POINTS
1	Wyszynski, Marek B	1968	Metro NYC	1590	1	400	3	340	3	340	3	850
2T	Olivares, Frets G	1965	Gold Coast	768	np	0	1	400	2	368	18	0
2T	Davis, Don	1966	Capitol	768	5	280	2	368	1	400	17	0
4	Foellmer, Oliver K	1968	Southern CA	680	3	340	5	280	3	340	9	0
5	Cho, Michael	1970	Michigan	678	np	0	np	0	np	0	np	0
6	Kissingford, John F	1967	Colorado	614	np	0	3	340	8	274	np	0
7	Szego, Levente	1969	Capitol	574	2	368	np	0	13	206	np	0
8T	Feldman, Adam	1965	Harrisburg	554	10	212	7	276	6	278	np	0
8T	Pimoutkine, Roustam R	1965	Metro NYC	554	20	134	6	278	7	276	np	0
10	Grandbois, Peter	1964	Columbus OH	494	9	214	np	0	5	280	np	0
11T	Lee, Stephen K	1966	Northern CA	488	6	278	11	210	np	0	np	0
11T	Balboa, Rolando M	1970	Metropolitan NYC	488	np	0	np	0	np	0	np	0
13	Voyiazakis, Emanuel	1963	Metropolitan NYC	482	8	274	12	208	np	0	np	0
14	Koehn, Ted	1969	Western WA	415	15	202	np	0	9.5	213	np	0
15	Hayenga, Gary M	1962	Michigan	414	17	140	8	274	20	134	np	0
16T	Balestracci, Chris	1962	Connecticut	410	12	208	15	202	19	136	np	0
16T	Fadi, Omar	1963	Virginia	410	np	0	13	206	14	204	np	0
18	Diaz, Julio P	1964	Georgia	402	16	200	np	0	15	202	np	0
19T	Grajales, Nestor L	1961	Central FL	352	18	138	9	214	21	132	np	0
19T	Estell, Oscar M	1961	Central California	352	24	126	10	212	17	140	np	0
21	Denman, Matthew	1964	Southwest OH	342	14	204	np	0	18	138	np	0
22T	Amrine, Terry L	1964	Columbus OH	334	25	124	np	0	11	210	np	0
22T	Griswold, Doug	1965	N. Carolina	334	22	130	14	204	25	124	np	0
24T	Powers, Douglas A	1966	Western WA	276	19	136	17	140	35	68	np	0
24T	Tyshchenko, Andrey	1969	Australia	276	7	276	np	0	np	0	np	0
26	Mahnken, Thomas G	1965	Virginia	256	28	118	18	138	28	118	np	0
27	Galluch, Peter G	1968	Virginia	242	27	120	np	0	26	122	np	0
28	Schwartzman, Benjamin	1969	Utah-S.Idaho	236	26	122	np	0	30	114	np	0
29	Wiley, David S	1961	San Diego	213	np	0	np	0	9.5	213	np	0
30	Anderson, Kristian S	1969	Nebraska-South Dakota	210	11	210	np	0	np	0	np	0
31T	Chernomashentsev, Alan	1966	Gateway FL	208	12	208	np	0	np	0	np	0
31T	Hensley, Todd	1966	Western PA	208	np	0	np	0	12	208	np	0
33	Allan, Peter L	1969	Colorado	205	np	0	19	136	34	69	np	0
34	Yoo, Terry S	1963	Maryland	186	33	70	np	0	29	116	np	0
35	Preudhomme, Xavier A	1967	N. Carolina	182	29	116	np	0	37	66	np	0
36	Goodrich, Gary	1962	Columbus OH	175	32	110	np	0	38	65	np	0
37	Cotlar, Andrew D	1968	Philadelphia	132	21	132	np	0	np	0	np	0
38	Procopio, Gregory M	1963	Orange Coast	130	np	0	np	0	22	130	np	0
39T	Mcintosh, Michael	1963	Metro NYC	128	23	128	np	0	np	0	np	0
39T	Becker, William	1965	Arizona	128	np	0	np	0	23	128	np	0
41	Wharton, David	1961	Southern CA	126	np	0	np	0	24	126	np	0
42	Wang, Sonny	1970	Northern CA	122	np	0	np	0	np	0	np	0
43	Wu, Clarence C	1968	San Diego	120	np	0	np	0	27	120	np	0
44	Han, Jae	1968	Western Washington	114	30	114	np	0	np	0	np	0
45	Shynkaruk, Wil	1964	Minnesota	112	np	0	np	0	31	112	np	0
46	Newell, Tim	1967	Gulf Coast	70	np	0	np	0	33	70	np	0
47	Hooshi, Mark	1964	Long Island	69	34	69	np	0	np	0	np	0
48	Gillespie, Jeremy	1961	Virginia	67	np	0	np	0	36	67	np	0
49	Wemple, Charles	1964	Gulf Coast	64	np	0	np	0	39	64	np	0
50	Connell, James III	1964	New Jersey	63	np	0	np	0	40	63	np	0

2019-2020 USA Fencing Rolling Point Standings  
V50MF

CURRENT AS OF 12/3/2019	V40 - DEC PLACE	2018 POINTS	V40 - APR PLACE	2019 POINTS	V40- NTLS PLACE	2019 POINTS
Wyszynski, Marek B	np	0	np	0	np	0
Olivares, Frets G	np	0	np	0	np	0
Davis, Don	np	0	np	0	np	0
Foellmer, Oliver K	np	0	np	0	np	0
Cho, Michael	1	400	np	0	6	278
Kissingford, John F	np	0	np	0	np	0
Szego, Levente	np	0	np	0	np	0
Feldman, Adam	np	0	np	0	np	0
Pimoutkine, Roustam R	np	0	np	0	np	0
Grandbois, Peter	np	0	np	0	np	0
Lee, Stephen K	np	0	np	0	np	0
Balboa, Rolando M	np	0	6	278	11	210
Voyiazakis, Emanuel	np	0	np	0	np	0
Koehn, Ted	np	0	np	0	np	0
Hayenga, Gary M	np	0	np	0	np	0
Balestracci, Chris	np	0	np	0	np	0
Fadi, Omar	np	0	np	0	np	0
Diaz, Julio P	np	0	np	0	np	0
Grajales, Nestor L	np	0	np	0	np	0
Estell, Oscar M	np	0	np	0	np	0
Denman, Matthew	np	0	np	0	np	0
Amrine, Terry L	np	0	np	0	np	0
Griswold, Doug	np	0	np	0	np	0
Powers, Douglas A	np	0	np	0	np	0
Tyshchenko, Andrey	np	0	np	0	np	0
Mahrken, Thomas G	np	0	np	0	np	0
Galluch, Peter G	np	0	np	0	np	0
Schwartzman, Benjamin	np	0	np	0	np	0
Willey, David S	np	0	np	0	np	0
Anderson, Kristian S	np	0	np	0	np	0
Chernomashentsev, Alan	np	0	np	0	np	0
Hensley, Todd	np	0	np	0	np	0
Allan, Peter L	np	0	np	0	np	0
Yoo, Terry S	np	0	np	0	np	0
Preudhomme, Xavier A	np	0	np	0	np	0
Goodrich, Gary	np	0	np	0	np	0
Cottlar, Andrew D	np	0	np	0	np	0
Procopio, Gregory M	np	0	np	0	np	0
Mcintosh, Michael	np	0	np	0	np	0
Becker, William	np	0	np	0	np	0
Wharton, David	np	0	np	0	np	0
Wang, Sonny	np	0	np	0	26	122
Wu, Clarence C	np	0	np	0	np	0
Han, Jae	np	0	np	0	np	0
Shynkaruk, Wil	np	0	np	0	np	0
Newell, Tim	np	0	np	0	np	0
Hooshi, Mark	np	0	np	0	np	0
Gillespie, Jeremy	np	0	np	0	np	0
Wemple, Charles	np	0	np	0	np	0
Connell, James III	np	0	np	0	np	0